



Đơn vị: Hội đồng Quản trị

Số: 2693/2025/NQ-HĐQT

Ngày: 06/11/2025

## NGHỊ QUYẾT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

V/v: Phương án phát hành, phương án sử dụng vốn và trả nợ vốn thu được từ đợt chào bán, Đăng ký và niêm yết Trái phiếu phát hành ra công chúng LPBank năm 2025

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ LPBANK

Căn cứ Điều lệ LPBank,

Căn cứ Quy chế Tổ chức và hoạt động của Hội đồng Quản trị số 1980/2024/QC-HĐQT ngày 01/7/2024;

Căn cứ Tờ trình số 209/2025/TTr-TT&QTTC ngày 24/10/2025 của Khối Thị trường và Quản trị tài chính về Phương án phát hành, phương án sử dụng vốn và trả nợ vốn thu được từ đợt chào bán, Đăng ký và niêm yết Trái phiếu phát hành ra công chúng LPBank năm 2025

Căn cứ Biên bản tổng hợp ý kiến thành viên HĐQT số 106B/2025/BB-HĐQT ngày 05/11/2025.

### QUYẾT NGHỊ:

1. Phê duyệt Phương án phát hành, phương án sử dụng vốn và trả nợ vốn thu được từ đợt chào bán, Đăng ký và niêm yết Trái phiếu phát hành ra công chúng LPBank năm 2025 như sau:

- Thực hiện phát hành Trái phiếu (Tổng khối lượng dự kiến theo mệnh giá: 5.000 tỷ VND) với nội dung chi tiết tại phương án phát hành trái phiếu ra công chúng LPBank năm 2025 theo Phụ lục 01 đính kèm và phương án sử dụng vốn và trả nợ vốn thu được từ đợt chào bán trái phiếu phát hành ra công chúng LPBank năm 2025 theo Phụ lục 02 đính kèm.
- Thực hiện đăng ký, lưu ký Trái phiếu tập trung tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC) và niêm yết Trái phiếu trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) sau khi hoàn tất đợt chào bán theo quy định của pháp luật.
- Lựa chọn Công ty Cổ phần Chứng khoán LPBank (LPBS) là Tổ chức tư vấn phát hành Trái phiếu (tư vấn hồ sơ đăng ký chào bán Trái phiếu, tư vấn đăng ký, lưu ký Trái phiếu tại VSDC, tư vấn niêm yết Trái phiếu trên HNX); (ii) Đại lý phát hành Trái phiếu; và (iii) Đại lý đăng ký, lưu ký Trái phiếu ban đầu (trong thời gian LPBank làm thủ tục đăng ký, lưu ký Trái phiếu tại VSDC và niêm yết Trái phiếu trên HNX).
- Lựa chọn Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) là Đại diện người sở hữu trái phiếu.
- Phê duyệt mức phí dịch vụ (i) Tư vấn hồ sơ đăng ký chào bán Trái phiếu; (ii) Tư vấn đăng ký, lưu ký Trái phiếu tại VSDC; (iii) Tư vấn niêm yết Trái phiếu trên HNX; (iv) Đại lý phát hành Trái phiếu; và (v) Đại lý đăng ký, lưu ký Trái phiếu ban đầu theo bản chào của LPBS, chi tiết tại Tờ trình số 209/2025/TTr-TT&QTTC ngày 24/10/2025.
- Phê duyệt mức phí dịch vụ Đại diện người sở hữu trái phiếu theo bản chào của SHS, chi tiết tại Tờ trình số 209/2025/TTr-TT&QTTC ngày 24/10/2025.



## 2. Tổ chức thực hiện:

- Giao Tổng Giám đốc chỉ đạo các Đơn vị liên quan triển khai thực hiện công việc sau khi Hội đồng Quản trị (HĐQT) phê duyệt.
- Giao Tổng Giám đốc và/hoặc Giám đốc Khối Thị trường và Quản trị Tài chính: (i) xem xét, quyết định và tổ chức thực hiện các công việc liên quan đến phát hành Trái phiếu (bao gồm nhưng không giới hạn bởi các công việc chào bán; đăng ký, lưu ký tập trung tại VSDC; và niêm yết trên HNX); và (ii) xem xét, quyết định các chi phí liên quan đến phát hành Trái phiếu, đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành về thẩm quyền liên quan tới phát hành Trái phiếu và phù hợp với phê duyệt của HĐQT.
- Tổng Giám đốc được ủy quyền lại cho người khác thực hiện các công việc thuộc thẩm quyền theo quy định nội bộ của LPBank.
- Giao Khối Thị trường và Quản trị Tài chính là đơn vị đầu mối phối hợp với các Đơn vị có liên quan triển khai Phương án phát hành trái phiếu ra công chúng LPBank năm 2025.

## 3. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký

TM. Hội đồng Quản trị  
Chủ tịch  
NGÂN HÀNG  
THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN  
LỘC PHÁT  
VIỆT NAM  
THÀNH PHỐ HÀ NỘI



Nguyễn Đức Thụy

### Nơi nhận:

- Các TV HĐQT;
- Trưởng BKS;
- Như mục 2 (đề th/h);
- Ngant32, giangpt5;
- Lưu: VT, VPQT, hauntv.



## PHỤ LỤC 01

### Phương án phát hành Trái phiếu ra công chúng LPBank năm 2025

Phương án phát hành này ("**Phương Án Phát Hành**") là cơ sở cho việc chào bán các trái phiếu ra công chúng bằng tiền Đồng, không chuyển đổi, không có bảo đảm, không kèm chứng quyền, là Nợ Thứ Cấp của Tổ Chức Phát Hành và thỏa mãn các điều kiện để được tính vào vốn cấp 2 của Tổ Chức Phát Hành, với tổng mệnh giá tối đa 5.000.000.000.000 VND (Bằng chữ: Năm nghìn tỷ Đồng) ("**Trái phiếu**") theo các nội dung trình bày trong Phương Án Phát Hành này.

Phương Án Phát Hành này chỉ quy định các điều kiện, điều khoản chính của Trái phiếu và nội dung chính của việc chào bán Trái phiếu. Các điều kiện, điều khoản cụ thể của Trái phiếu và nội dung khác của việc chào bán Trái phiếu sẽ được quy định trong các điều khoản và điều kiện của Trái phiếu ("**Các Điều Kiện Trái Phiếu**") tại Bản cáo bạch chào bán trái phiếu phát hành ra công chúng của LPBank.

#### 1. CĂN CỨ PHÁP LÝ

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 của Quốc hội và các văn bản sửa đổi, bổ sung;
- Luật Các Tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 18/01/2024 của Quốc hội và các văn bản sửa đổi, bổ sung ("**Luật TCTD**");
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 của Quốc hội và các văn bản sửa đổi, bổ sung ("**Luật Chứng khoán**");
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và các văn bản sửa đổi, bổ sung ("**Nghị định số 155**");
- Thông tư số 118/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính Hướng dẫn một số nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng và các văn bản sửa đổi, bổ sung;
- Thông tư số 41/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ("**NHNN**") Quy định tỷ lệ an toàn vốn đối với ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;
- Thông tư số 22/2019/TT-NHNN ngày 15/11/2019 của NHNN Quy định các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và các văn bản sửa đổi, bổ sung;
- Điều lệ của LPBank; và
- Các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

#### 2. THÔNG TIN CHUNG CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

##### 2.1. Thông tin chung về Tổ Chức Phát Hành

- Tên Tổ Chức Phát Hành (tên đầy đủ): Ngân hàng Thương mại cổ phần Lộc Phát Việt Nam
- Tên Tổ Chức Phát Hành (tên viết gọn): Ngân hàng Lộc Phát Việt Nam
- Tên Tổ Chức Phát Hành (tên viết tắt): LPBank
- Địa chỉ trụ sở chính: LPB Tower, Số 210 đường Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Điện thoại: (84 24) 62 668 668      Fax: (84 24) 62 669 669
- Website: [www.lpbank.com.vn](http://www.lpbank.com.vn)



- Vốn điều lệ: 29.872.821.000.000 VND
- Mã cổ phiếu: LPB
- Giấy phép thành lập và hoạt động: Số 91/GP-NHNN do NHNN cấp ngày 28/3/2008 (“**Giấy phép 91**”); Quyết định số 423/QĐ-TTGSNH2 do NHNN cấp ngày 15/7/2024; Quyết định số 125/QĐ-NHNN do NHNN cấp ngày 21/01/2025 và các văn bản sửa đổi, bổ sung Giấy phép 91.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: Số 6403000058 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hậu Giang cấp lần đầu ngày 03/4/2008, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: Số 6300048638 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 30 ngày 29/12/2023.

(Theo Quy định tại Khoản 2 Điều 27 Luật TCTD có hiệu lực từ ngày 01/7/2024, Giấy phép thành lập và hoạt động của tổ chức tín dụng đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp)

- Đại diện theo pháp luật: Ông Vũ Quốc Khánh - Chức vụ: Tổng Giám đốc.

**2.2. Ngành nghề kinh doanh:** Kinh doanh ngân hàng.

**2.3. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động của Tổ Chức Phát Hành**

**2.3.1. Một số chỉ tiêu tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành**

Dưới đây là một số chỉ tiêu tài chính của Tổ Chức Phát Hành trong 03 năm liên trước năm đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng:

| Chỉ tiêu                                                | Năm 2022 | Năm 2023 | Năm 2024 |
|---------------------------------------------------------|----------|----------|----------|
| Vốn tự có (tỷ VND)                                      | 29.604   | 41.951   | 52.216   |
| Tổng tài sản (tỷ VND)                                   | 327.746  | 382.863  | 508.330  |
| Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự (tỷ VND)    | 25.226   | 32.354   | 34.137   |
| Dự phòng rủi ro (tỷ VND)                                | 3.174    | 2.826    | 1.954    |
| Lợi nhuận trước thuế (tỷ VND)                           | 5.690    | 7.039    | 12.168   |
| Lợi nhuận sau thuế (tỷ VND)                             | 4.510    | 5.572    | 9.721    |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)                 | 2.082    | 1.974    | 3.254    |
| Hệ số Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu (lần)                  | 12,62    | 10,22    | 10,73    |
| Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân (%) | 22,08    | 19,16    | 25,10    |
| Tỷ lệ an toàn vốn (CAR) (%)                             | 12,36    | 12,24    | 13,33    |
| Tỷ lệ nợ xấu (%)                                        | 1,45     | 1,34     | 1,57     |

Nguồn: Báo cáo tài chính (“**BCTC**”) kiểm toán năm 2022, 2023 và 2024



### **2.3.2. Tình hình thanh toán lãi, gốc trái phiếu đã phát hành trong 03 năm liên tiếp trước đợt chào bán Trái phiếu**

Tổ Chức Phát Hành đã thanh toán đầy đủ, đúng hạn gốc và lãi các trái phiếu đã phát hành và đến hạn trong 03 năm liên tiếp từ năm 2022 đến hết năm 2024 và cho đến trước đợt chào bán Trái phiếu.

### **2.3.3. Tình hình thanh toán các khoản nợ đến hạn**

Tổ Chức Phát Hành cam kết không có bất kỳ khoản nợ phải trả quá hạn trên 01 (Một) năm và đã hoàn thành các nghĩa vụ tài chính với Nhà nước.

### **2.3.4. Ý kiến của tổ chức kiểm toán đối với BCTC của Tổ Chức Phát Hành năm 2023, 2024**

Năm 2023 và 2024, đơn vị kiểm toán BCTC cho LPBank là Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam. Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam là tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán. Ý kiến kiểm toán đối với BCTC năm 2023 và năm 2024 của LPBank là ý kiến chấp nhận toàn phần.

#### **▪ BCTC kiểm toán năm 2023**

*Ý kiến của Kiểm toán viên: “Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các tổ chức tín dụng tại Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.”*

*Vấn đề khác: “Báo cáo tài chính của Ngân hàng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập khác, với báo cáo kiểm toán đề ngày 28 tháng 3 năm 2023 đưa ra ý kiến chấp thuận toàn phần”.*

#### **▪ BCTC kiểm toán năm 2024**

*Ý kiến của Kiểm toán viên: “Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các tổ chức tín dụng tại Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.”*

## **3. MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH**

Tổ Chức Phát Hành dự kiến sử dụng tiền thu được từ các Đợt chào bán Trái phiếu để bổ sung nguồn vốn huy động nhằm đáp ứng nhu cầu tăng quy mô vốn hoạt động, tăng vốn cấp 2, đảm bảo các tỷ lệ an toàn hoạt động theo quy định của NHNN và đáp ứng nhu cầu vay vốn của khách hàng.

## **4. CÁC ĐIỀU KHOẢN, ĐIỀU KIỆN CHÍNH CỦA TRÁI PHIẾU**

|                    |                                                    |
|--------------------|----------------------------------------------------|
| Tổ Chức Phát Hành  | Ngân hàng Thương mại cổ phần Lộc Phát Việt Nam     |
| Tên gọi Trái phiếu | Trái phiếu phát hành ra công chúng LPBank năm 2025 |



| Loại Trái phiếu                   | Trái phiếu không chuyển đổi, không có bảo đảm, không kèm chứng quyền, là Nợ Thứ Cấp và thỏa mãn các điều kiện để được tính vào vốn cấp 2 của Tổ Chức Phát Hành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |                            |     |                 |                            |       |                   |                 |                   |                   |                   |                 |       |                   |                 |                   |                   |                   |                 |             |  |                          |
|-----------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|-----|-----------------|----------------------------|-------|-------------------|-----------------|-------------------|-------------------|-------------------|-----------------|-------|-------------------|-----------------|-------------------|-------------------|-------------------|-----------------|-------------|--|--------------------------|
| Đồng tiền phát hành và thanh toán | Đồng Việt Nam (VND)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                            |     |                 |                            |       |                   |                 |                   |                   |                   |                 |       |                   |                 |                   |                   |                   |                 |             |  |                          |
| Mệnh giá                          | 100.000 VND/Trái phiếu (Một trăm nghìn Đồng một Trái phiếu)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                            |     |                 |                            |       |                   |                 |                   |                   |                   |                 |       |                   |                 |                   |                   |                   |                 |             |  |                          |
| Giá chào bán                      | Bằng Mệnh giá (100.000 VND/Trái phiếu)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |                            |     |                 |                            |       |                   |                 |                   |                   |                   |                 |       |                   |                 |                   |                   |                   |                 |             |  |                          |
| Hình thức Trái phiếu              | Bút toán ghi sổ, hoặc dữ liệu điện tử, có phát hành Giấy chứng nhận quyền sở hữu Trái phiếu (nếu cần) hoặc hình thức khác trong trường hợp văn bản quy phạm pháp luật hoặc các quy chế có liên quan của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC), Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) và các cơ quan Nhà nước khác có yêu cầu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |                            |     |                 |                            |       |                   |                 |                   |                   |                   |                 |       |                   |                 |                   |                   |                   |                 |             |  |                          |
| Đối tượng mua Trái phiếu          | Đối tượng mua Trái phiếu là các tổ chức, cá nhân Việt Nam và tổ chức, cá nhân nước ngoài                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |                            |     |                 |                            |       |                   |                 |                   |                   |                   |                 |       |                   |                 |                   |                   |                   |                 |             |  |                          |
| Phương thức thanh toán gốc, lãi   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tiền gốc Trái phiếu được thanh toán một lần vào Ngày đáo hạn hoặc Ngày thực hiện quyền mua lại hoặc Ngày mua lại trước hạn khác (nếu có);</li> <li>- Tiền lãi Trái phiếu được thanh toán sau, định kỳ hàng năm vào Ngày thanh toán lãi</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                            |     |                 |                            |       |                   |                 |                   |                   |                   |                 |       |                   |                 |                   |                   |                   |                 |             |  |                          |
| Kỳ hạn Trái phiếu                 | 07 (Bảy) năm, 08 (Tám) năm và 10 (Mười) năm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                            |     |                 |                            |       |                   |                 |                   |                   |                   |                 |       |                   |                 |                   |                   |                   |                 |             |  |                          |
| Khối lượng phát hành              | <p>Tối đa 5.000.000.000.000 VND mệnh giá (Năm nghìn tỷ Đồng), trong đó:</p> <table border="1"> <thead> <tr> <th>Đợt</th><th>Loại Trái phiếu</th><th>Khối lượng phát hành (VND)</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td rowspan="3">Đợt 1</td><td>Trái phiếu 07 năm</td><td>900.000.000.000</td></tr> <tr> <td>Trái phiếu 08 năm</td><td>1.500.000.000.000</td></tr> <tr> <td>Trái phiếu 10 năm</td><td>100.000.000.000</td></tr> <tr> <td rowspan="3">Đợt 2</td><td>Trái phiếu 07 năm</td><td>900.000.000.000</td></tr> <tr> <td>Trái phiếu 08 năm</td><td>1.500.000.000.000</td></tr> <tr> <td>Trái phiếu 10 năm</td><td>100.000.000.000</td></tr> <tr> <td colspan="2"><b>Tổng</b></td><td><b>5.000.000.000.000</b></td></tr> </tbody> </table> |                            | Đợt | Loại Trái phiếu | Khối lượng phát hành (VND) | Đợt 1 | Trái phiếu 07 năm | 900.000.000.000 | Trái phiếu 08 năm | 1.500.000.000.000 | Trái phiếu 10 năm | 100.000.000.000 | Đợt 2 | Trái phiếu 07 năm | 900.000.000.000 | Trái phiếu 08 năm | 1.500.000.000.000 | Trái phiếu 10 năm | 100.000.000.000 | <b>Tổng</b> |  | <b>5.000.000.000.000</b> |
| Đợt                               | Loại Trái phiếu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Khối lượng phát hành (VND) |     |                 |                            |       |                   |                 |                   |                   |                   |                 |       |                   |                 |                   |                   |                   |                 |             |  |                          |
| Đợt 1                             | Trái phiếu 07 năm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 900.000.000.000            |     |                 |                            |       |                   |                 |                   |                   |                   |                 |       |                   |                 |                   |                   |                   |                 |             |  |                          |
|                                   | Trái phiếu 08 năm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 1.500.000.000.000          |     |                 |                            |       |                   |                 |                   |                   |                   |                 |       |                   |                 |                   |                   |                   |                 |             |  |                          |
|                                   | Trái phiếu 10 năm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 100.000.000.000            |     |                 |                            |       |                   |                 |                   |                   |                   |                 |       |                   |                 |                   |                   |                   |                 |             |  |                          |
| Đợt 2                             | Trái phiếu 07 năm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 900.000.000.000            |     |                 |                            |       |                   |                 |                   |                   |                   |                 |       |                   |                 |                   |                   |                   |                 |             |  |                          |
|                                   | Trái phiếu 08 năm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 1.500.000.000.000          |     |                 |                            |       |                   |                 |                   |                   |                   |                 |       |                   |                 |                   |                   |                   |                 |             |  |                          |
|                                   | Trái phiếu 10 năm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 100.000.000.000            |     |                 |                            |       |                   |                 |                   |                   |                   |                 |       |                   |                 |                   |                   |                   |                 |             |  |                          |
| <b>Tổng</b>                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | <b>5.000.000.000.000</b>   |     |                 |                            |       |                   |                 |                   |                   |                   |                 |       |                   |                 |                   |                   |                   |                 |             |  |                          |
| Số đợt phát hành                  | <p>02 (Hai) đợt</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đợt 1: Dự kiến Quý I/2026 - Quý II/2026</li> <li>- Đợt 2: Dự kiến Quý III/2026 - Quý IV/2026</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |                            |     |                 |                            |       |                   |                 |                   |                   |                   |                 |       |                   |                 |                   |                   |                   |                 |             |  |                          |



| Thời điểm phát hành          | Dự kiến từ Quý I/2026 đến Quý IV/2026 sau khi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng. Ngày phát hành cụ thể theo thông báo của Tổ Chức Phát Hành. Trái phiếu dự kiến được phát hành theo 02 (Hai) đợt căn cứ theo nhu cầu của Nhà đầu tư                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |                                          |        |                                          |   |        |                 |   |        |                   |   |        |                 |      |  |                   |     |        |                                          |   |        |                 |   |        |                   |   |        |                 |      |  |                   |
|------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------|--------|------------------------------------------|---|--------|-----------------|---|--------|-------------------|---|--------|-----------------|------|--|-------------------|-----|--------|------------------------------------------|---|--------|-----------------|---|--------|-------------------|---|--------|-----------------|------|--|-------------------|
| Ngày thực hiện quyền mua lại | <ul style="list-style-type: none"><li>Với Trái phiếu kỳ hạn 07 (Bảy) năm, là ngày tròn 02 (Hai) năm kể từ Ngày phát hành;</li><li>Với Trái phiếu kỳ hạn 08 (Tám) năm, là ngày tròn 03 (Ba) năm kể từ Ngày phát hành;</li><li>Với Trái phiếu kỳ hạn 10 (Mười) năm, là ngày tròn 05 (Năm) năm kể từ Ngày phát hành</li></ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |                                          |        |                                          |   |        |                 |   |        |                   |   |        |                 |      |  |                   |     |        |                                          |   |        |                 |   |        |                   |   |        |                 |      |  |                   |
| Ngày phát hành dự kiến       | Ngày kết thúc Đợt chào bán đối với mỗi Trái phiếu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |                                          |        |                                          |   |        |                 |   |        |                   |   |        |                 |      |  |                   |     |        |                                          |   |        |                 |   |        |                   |   |        |                 |      |  |                   |
| Ngày đáo hạn                 | <ul style="list-style-type: none"><li>Với Trái phiếu kỳ hạn 07 (Bảy) năm: là ngày tròn 07 (Bảy) năm kể từ Ngày phát hành;</li><li>Với Trái phiếu kỳ hạn 08 (Tám) năm: là ngày tròn 08 (Tám) năm kể từ Ngày phát hành;</li><li>Với Trái phiếu kỳ hạn 10 (Mười) năm: là ngày tròn 10 (Mười) năm kể từ Ngày phát hành</li></ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |                                          |        |                                          |   |        |                 |   |        |                   |   |        |                 |      |  |                   |     |        |                                          |   |        |                 |   |        |                   |   |        |                 |      |  |                   |
| Thời gian phân phối          | <p>Dự kiến tối thiểu 20 (Hai mươi) ngày, tối đa 90 (Chín mươi) ngày theo quy định của pháp luật (chưa tính trường hợp gia hạn thời gian phân phối theo quy định, nếu cần). Trái phiếu dự kiến phân phối thành 02 (Hai) đợt. Đợt phát hành thứ hai chỉ được thực hiện sau khi kết thúc đợt phát hành thứ nhất và khoảng cách giữa đợt phát hành thứ nhất và đợt phát hành thứ hai không quá 12 (Mười hai) tháng. Trường hợp đợt phát hành thứ nhất chưa chào bán hết khối lượng dự kiến thì phần khối lượng chưa bán hết sẽ chuyển sang đợt phát hành thứ hai.</p> <p><b>Đợt 1: Quý I/2026 - Quý II/2026</b></p> <table><tr><th>STT</th><th>Kỳ hạn</th><th>Khối lượng phát hành theo mệnh giá (VND)</th></tr><tr><td>1</td><td>07 năm</td><td>900.000.000.000</td></tr><tr><td>2</td><td>08 năm</td><td>1.500.000.000.000</td></tr><tr><td>3</td><td>10 năm</td><td>100.000.000.000</td></tr><tr><td colspan="2">Tổng</td><td>2.500.000.000.000</td></tr></table> <p><b>Đợt 2: Quý III/2026 - Quý IV/2026</b></p> <table><tr><th>STT</th><th>Kỳ hạn</th><th>Khối lượng phát hành theo mệnh giá (VND)</th></tr><tr><td>1</td><td>07 năm</td><td>900.000.000.000</td></tr><tr><td>2</td><td>08 năm</td><td>1.500.000.000.000</td></tr><tr><td>3</td><td>10 năm</td><td>100.000.000.000</td></tr><tr><td colspan="2">Tổng</td><td>2.500.000.000.000</td></tr></table> | STT                                      | Kỳ hạn | Khối lượng phát hành theo mệnh giá (VND) | 1 | 07 năm | 900.000.000.000 | 2 | 08 năm | 1.500.000.000.000 | 3 | 10 năm | 100.000.000.000 | Tổng |  | 2.500.000.000.000 | STT | Kỳ hạn | Khối lượng phát hành theo mệnh giá (VND) | 1 | 07 năm | 900.000.000.000 | 2 | 08 năm | 1.500.000.000.000 | 3 | 10 năm | 100.000.000.000 | Tổng |  | 2.500.000.000.000 |
| STT                          | Kỳ hạn                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Khối lượng phát hành theo mệnh giá (VND) |        |                                          |   |        |                 |   |        |                   |   |        |                 |      |  |                   |     |        |                                          |   |        |                 |   |        |                   |   |        |                 |      |  |                   |
| 1                            | 07 năm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 900.000.000.000                          |        |                                          |   |        |                 |   |        |                   |   |        |                 |      |  |                   |     |        |                                          |   |        |                 |   |        |                   |   |        |                 |      |  |                   |
| 2                            | 08 năm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 1.500.000.000.000                        |        |                                          |   |        |                 |   |        |                   |   |        |                 |      |  |                   |     |        |                                          |   |        |                 |   |        |                   |   |        |                 |      |  |                   |
| 3                            | 10 năm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 100.000.000.000                          |        |                                          |   |        |                 |   |        |                   |   |        |                 |      |  |                   |     |        |                                          |   |        |                 |   |        |                   |   |        |                 |      |  |                   |
| Tổng                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 2.500.000.000.000                        |        |                                          |   |        |                 |   |        |                   |   |        |                 |      |  |                   |     |        |                                          |   |        |                 |   |        |                   |   |        |                 |      |  |                   |
| STT                          | Kỳ hạn                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Khối lượng phát hành theo mệnh giá (VND) |        |                                          |   |        |                 |   |        |                   |   |        |                 |      |  |                   |     |        |                                          |   |        |                 |   |        |                   |   |        |                 |      |  |                   |
| 1                            | 07 năm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 900.000.000.000                          |        |                                          |   |        |                 |   |        |                   |   |        |                 |      |  |                   |     |        |                                          |   |        |                 |   |        |                   |   |        |                 |      |  |                   |
| 2                            | 08 năm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 1.500.000.000.000                        |        |                                          |   |        |                 |   |        |                   |   |        |                 |      |  |                   |     |        |                                          |   |        |                 |   |        |                   |   |        |                 |      |  |                   |
| 3                            | 10 năm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 100.000.000.000                          |        |                                          |   |        |                 |   |        |                   |   |        |                 |      |  |                   |     |        |                                          |   |        |                 |   |        |                   |   |        |                 |      |  |                   |
| Tổng                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 2.500.000.000.000                        |        |                                          |   |        |                 |   |        |                   |   |        |                 |      |  |                   |     |        |                                          |   |        |                 |   |        |                   |   |        |                 |      |  |                   |
| Lãi suất Trái phiếu          | Lãi suất thả nổi, được xác định theo công thức sau:                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |                                          |        |                                          |   |        |                 |   |        |                   |   |        |                 |      |  |                   |     |        |                                          |   |        |                 |   |        |                   |   |        |                 |      |  |                   |



|                              |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
|------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                              | <ul style="list-style-type: none"><li>- Đối với các Trái phiếu kỳ hạn 07 (Bảy) năm:<br/>Lãi suất = Lãi suất tham chiếu + biên độ 2,5%/năm (Hai phẩy năm phần trăm một năm)</li><li>- Đối với các Trái phiếu kỳ hạn 08 (Tám) năm:<br/>Lãi suất = Lãi suất tham chiếu + biên độ 2,7%/năm (Hai phẩy bảy phần trăm một năm)</li><li>- Đối với các Trái phiếu kỳ hạn 10 (Mười) năm:<br/>Lãi suất = Lãi suất tham chiếu + biên độ 2,9%/năm (Hai phẩy chín phần trăm một năm)</li></ul> <p><i>Trong đó:</i></p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Lãi suất tham chiếu dùng để xác định lãi suất cho mỗi Kỳ tính lãi là bình quân lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng VND, kỳ hạn 12 (Mười hai) tháng, trả lãi cuối kỳ được công bố trên trang thông tin điện tử chính thức của 04 (Bốn) ngân hàng lớn của Việt Nam, bao gồm: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam tại Ngày xác định lãi suất</li><li>- Kỳ tính lãi (kỳ xác định lãi suất): định kỳ 01 năm/01 lần</li><li>- Ngày xác định lãi suất: đối với Kỳ tính lãi đầu tiên là ngày bắt đầu nhận đơn đăng ký mua Trái phiếu của mỗi đợt. Ngày xác định lãi suất đối với các Kỳ tính lãi tiếp theo là ngày làm việc thứ 07 (Bảy) trước ngày đầu tiên của mỗi Kỳ tính lãi</li></ul> |
| Mua lại Trái phiếu trước hạn | <ul style="list-style-type: none"><li>- Mua lại vào Ngày thực hiện quyền mua lại: Tổ Chức Phát Hành có quyền mua lại toàn bộ Trái phiếu với giá mua lại bằng mệnh giá tại Ngày thực hiện quyền mua lại trên cơ sở đảm bảo các tỷ lệ, giới hạn bảo đảm an toàn theo quy định của NHNN. Trong trường hợp này, Người Sở Hữu Trái Phiếu có nghĩa vụ bán lại toàn bộ Trái phiếu cho Tổ Chức Phát Hành;</li><li>- Mua lại theo thỏa thuận: Tổ Chức Phát Hành được mua lại Trái phiếu từ bất kỳ Người Sở Hữu Trái Phiếu nào và theo bất kỳ giá nào phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành, với điều kiện sau khi thực hiện việc mua lại, Tổ Chức Phát Hành vẫn đảm bảo các tỷ lệ, giới hạn bảo đảm an toàn theo quy định của NHNN. Mỗi Người Sở Hữu Trái Phiếu có quyền quyết định việc bán lại Trái phiếu của mình cho Tổ Chức Phát Hành. Việc chào mua các Trái phiếu được thực hiện công khai đối với tất cả Người Sở Hữu Trái Phiếu tương ứng;</li></ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |



|                                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
|--------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                                | <p>- Các trường hợp mua lại trước hạn khác: Theo quy định tại Bản cáo bạch chào bán trái phiếu phát hành ra công chúng của LPBank.</p> <p><i>Chi tiết về các điều khoản mua lại Trái phiếu quy định tại Bản cáo bạch chào bán trái phiếu phát hành ra công chúng của LPBank.</i></p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
| Phương thức phát hành          | Phát hành ra công chúng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
| Phương thức phân phối          | Bán trực tiếp cho các nhà đầu tư tại Trụ sở chính, các Chi nhánh/Phòng Giao dịch của LPBank và/hoặc thông qua Đại lý phát hành Trái phiếu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| Địa điểm phát hành             | Trụ sở chính, các Chi nhánh/Phòng Giao dịch của LPBank và/hoặc Đại lý phát hành Trái phiếu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
| Quyền liên quan đến Trái phiếu | <ul style="list-style-type: none"><li>- Trái phiếu xác lập nghĩa vụ trả nợ trực tiếp, không được bảo đảm của Tổ Chức Phát Hành, đủ điều kiện được tính vào vốn cấp 2 của Tổ Chức Phát Hành;</li><li>- Trong trường hợp Tổ Chức Phát Hành phá sản, Người Sở Hữu Trái Phiếu chỉ được thanh toán sau khi Tổ Chức Phát Hành đã thanh toán cho tất cả các chủ nợ có bảo đảm và không có bảo đảm khác (không phải là chủ nợ thứ cấp) hiện tại và trong tương lai của Tổ Chức Phát Hành;</li><li>- Tổ Chức Phát Hành được quyền ngừng thanh toán lãi khi đến hạn và chuyển lãi lũy kế sang năm tiếp theo nếu việc thanh toán lãi làm cho kết quả kinh doanh trong năm tài chính có khoản lãi đến hạn đó của Tổ Chức Phát Hành bị lỗ;</li><li>- Trong thời hạn Trái phiếu, Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ không được sử dụng quyền đòi thanh toán Trái phiếu để khấu trừ nghĩa vụ tài chính của mình với Tổ Chức Phát Hành hoặc bất cứ bên thứ ba nào khác.</li></ul> <p><i>Các quyền và nghĩa vụ khác quy định cụ thể trong Bản cáo bạch chào bán trái phiếu phát hành ra công chúng của LPBank</i></p> |
| Đăng ký mua Trái phiếu         | <ul style="list-style-type: none"><li>- Số lượng đặt mua tối thiểu đối với nhà đầu tư cá nhân: tối thiểu 200 (Hai trăm) Trái phiếu, tương đương với 20.000.000 VND (Hai mươi triệu Đồng) tính theo mệnh giá;</li><li>- Số lượng đặt mua tối thiểu đối với nhà đầu tư tổ chức: tối thiểu 10.000 (Mười nghìn) Trái phiếu, tương đương 1.000.000.000 VND (Một tỷ Đồng) tính theo mệnh giá</li></ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |



|                                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
|--------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Quyền của Người Sở Hữu Trái Phiếu                | <ul style="list-style-type: none"><li>- Được Tổ Chức Phát Hành thanh toán đầy đủ, đúng hạn gốc, lãi Trái phiếu khi đến hạn và đảm bảo việc thực hiện các quyền kèm theo (nếu có) theo các văn kiện Trái phiếu có liên quan;</li><li>- Được dùng Trái phiếu để chuyển nhượng, cho, tặng, để lại thừa kế, chiết khấu và sử dụng Trái phiếu làm tài sản bảo đảm trong các quan hệ dân sự và quan hệ thương mại theo quy định của pháp luật hiện hành;</li><li>- Có các quyền khác theo các quy định của pháp luật hiện hành và Các Điều Kiện Trái Phiếu tại Bản cáo bạch chào bán trái phiếu phát hành ra công chúng của LPBank.</li></ul> <p><i>Quyền của Người Sở Hữu Trái Phiếu được quy định cụ thể tại Bản cáo bạch chào bán trái phiếu phát hành ra công chúng của LPBank</i></p> |
| Đăng ký và Niêm yết                              | Toàn bộ Trái phiếu phát hành thành công sẽ được đăng ký, lưu ký tại VSDC và niêm yết trên HNX theo quy định của pháp luật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
| Tổ chức tư vấn phát hành Trái phiếu              | Công ty Cổ phần Chứng khoán LPBank (LPBS)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
| Đại lý phát hành Trái phiếu                      | Công ty Cổ phần Chứng khoán LPBank (LPBS)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
| Tổ chức đăng ký, lưu ký Trái phiếu ban đầu       | Công ty Cổ phần Chứng khoán LPBank (LPBS)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
| Đại diện Người Sở Hữu Trái Phiếu                 | Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
| Các cam kết khác đối với Người Sở Hữu Trái Phiếu | Được quy định trong Các Điều Kiện Trái Phiếu tại Bản cáo bạch chào bán trái phiếu phát hành ra công chúng của LPBank                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
| Các điều kiện và điều khoản khác của Trái phiếu  | Được quy định cụ thể trong Các Điều Kiện Trái Phiếu tại Bản cáo bạch chào bán trái phiếu phát hành ra công chúng của LPBank                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |



## PHỤ LỤC 02

**Phương án sử dụng vốn và trả nợ vốn thu được từ đợt chào bán Trái phiếu phát hành ra công chúng LPBank năm 2025**

### 1. PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG VỐN

Tổ Chức Phát Hành dự kiến sử dụng tiền thu được từ các Đợt chào bán Trái phiếu nhằm tăng quy mô vốn hoạt động, tăng vốn cấp 2, đảm bảo các tỷ lệ an toàn hoạt động theo quy định của NHNN và đáp ứng nhu cầu vay vốn của khách hàng trong Quý I/2026 đến Quý IV/2026.

Cụ thể:

#### 1.1. Phương án sử dụng vốn Đợt 1 (2.500 tỷ VND)

Đơn vị: Tỷ VND

| STT         | Phân bổ lĩnh vực sử dụng vốn                                                   | Quý I/2026 -<br>Quý II/2026 |
|-------------|--------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|
| 1           | Nông lâm nghiệp, Thủy sản                                                      | 800                         |
| 2           | Công nghiệp chế biến, chế tạo                                                  | 750                         |
| 3           | Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí | 300                         |
| 4           | Bán buôn và Bán lẻ; Sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác         | 200                         |
| 5           | Vận tải kho bãi; Giáo dục và Đào tạo; Y tế và Hoạt động trợ giúp xã hội        | 100                         |
| 6           | Tiêu dùng (Nhà đất, xây sửa nhà)                                               | 350                         |
| <b>Tổng</b> |                                                                                | <b>2.500</b>                |

#### 1.1. Phương án sử dụng vốn Đợt 2 (2.500 tỷ VND)

Đơn vị: Tỷ VND

| STT | Phân bổ lĩnh vực sử dụng vốn                                                   | Quý III/2026 -<br>Quý IV/2026 |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|
| 1   | Nông lâm nghiệp, Thủy sản                                                      | 1.500                         |
| 2   | Công nghiệp chế biến, chế tạo                                                  | 400                           |
| 3   | Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí | 100                           |



|             |                                                                         |              |
|-------------|-------------------------------------------------------------------------|--------------|
| 4           | Bán buôn và Bán lẻ; Sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác  | 250          |
| 5           | Vận tải kho bãi; Giáo dục và Đào tạo; Y tế và Hoạt động trợ giúp xã hội | 100          |
| 6           | Tiêu dùng (Nhà đất, xây sửa nhà)                                        | 150          |
| <b>Tổng</b> |                                                                         | <b>2.500</b> |

Do đặc thù ngành ngân hàng nên LPBank không đưa ra thứ tự ưu tiên sử dụng vốn cho các lĩnh vực trong trường hợp không chào bán hết khối lượng Trái phiếu dự kiến.

Hội đồng Quản trị giao Tổng Giám đốc được toàn quyền quyết định số tiền và thời gian giải ngân thực tế đối với từng ngành nghề kinh doanh phụ thuộc vào khối lượng Trái phiếu phát hành thành công từng Đợt tương ứng. Kế hoạch giải ngân thực tế sẽ được điều chỉnh linh hoạt (bao gồm cả số tiền và lĩnh vực sử dụng vốn) theo kết quả phát hành Trái phiếu, thực tế hoạt động, nhu cầu vay vốn của khách hàng và tiến độ cho vay nền kinh tế của LPBank.

Trong trường hợp giải ngân theo tiến độ nguồn vốn thu được từ phát hành Trái phiếu, nguồn vốn thu được từ phát hành Trái phiếu tạm thời nhàn rỗi sẽ được LPBank được giữ dưới dạng tiền mặt hoặc tiền gửi tại các ngân hàng (bao gồm NHNN và/hoặc các tổ chức tín dụng khác).

## 2. PHƯƠNG ÁN TRẢ NỢ VỐN

### 2.1. Nguồn trả nợ của Tổ Chức Phát Hành

Thanh toán lãi và gốc Trái phiếu: Tổ Chức Phát Hành dự kiến sử dụng nguồn tiền thu được từ các khoản thanh toán lãi, gốc của khách hàng cho các khoản giải ngân/cho vay dự kiến bằng nguồn vốn phát hành Trái phiếu để thanh toán lãi, gốc Trái phiếu cho các nhà đầu tư với điều kiện việc thanh toán không dẫn đến kết quả kinh doanh trong năm của Tổ Chức Phát Hành bị lỗ.

Tổ Chức Phát Hành dự kiến tiền thu được từ các khoản giải ngân/cho vay từ nguồn vốn phát hành Trái phiếu sẽ đủ để thanh toán đầy đủ, đúng hạn tiền lãi, gốc Trái phiếu trong kỳ hạn Trái phiếu, cụ thể như sau:

**Nguồn trả nợ của Tổ Chức Phát Hành đối với các Trái phiếu kỳ hạn 07 năm**

Đơn vị: Tỷ VND

| Kỳ thu nợ (*) | Lãi suất đầu ra dự kiến (tối thiểu) (%/năm) (**) | Dư nợ đầu kỳ | Lãi phải thu dự kiến | Vốn gốc trả trong kỳ | Gốc + lãi phải thu dự kiến | Dư nợ cuối kỳ |
|---------------|--------------------------------------------------|--------------|----------------------|----------------------|----------------------------|---------------|
| 1             | 9,70                                             | 1.800        | 175                  | 0                    | 175                        | 1.800         |
| 2             | 9,70                                             | 1.800        | 175                  | 0                    | 175                        | 1.800         |



| Kỳ thu nợ (*) | Lãi suất đầu ra dự kiến (tối thiểu) (%/năm) (**) | Dư nợ đầu kỳ | Lãi phải thu dự kiến | Vốn gốc trả trong kỳ | Gốc + lãi phải thu dự kiến | Dư nợ cuối kỳ |
|---------------|--------------------------------------------------|--------------|----------------------|----------------------|----------------------------|---------------|
| 3             | 9,70                                             | 1.800        | 175                  | 0                    | 175                        | 1.800         |
| 4             | 9,70                                             | 1.800        | 175                  | 0                    | 175                        | 1.800         |
| 5             | 9,70                                             | 1.800        | 175                  | 0                    | 175                        | 1.800         |
| 6             | 9,70                                             | 1.800        | 175                  | 0                    | 175                        | 1.800         |
| 7             | 9,70                                             | 1.800        | 175                  | 1.800                | 1.975                      | 0             |
| <b>Tổng</b>   |                                                  |              | <b>1.225</b>         | <b>1.800</b>         | <b>3.025</b>               |               |

**Ghi chú:**

(\*) Báo cáo theo kỳ tròn năm kể từ Ngày phát hành Trái phiếu

(\*\*) Lãi suất đầu ra dự kiến được xác định trên cơ sở ngành nghề cho vay, thời hạn cho vay, quy định và chính sách cho vay của LPBank trong từng thời kỳ, theo nguyên tắc: Lãi suất đầu ra dự kiến = Chi phí huy động vốn (bao gồm lãi suất phát hành Trái phiếu, chi phí khác (hành chính, nhân sự, quản lý phân bổ,...)) + Biên độ tối thiểu 1,00%/năm

Trường hợp nguồn tiền thu được từ các khoản thanh toán lãi, gốc của các khoản giải ngân/cho vay dự kiến từ nguồn vốn phát hành Trái phiếu chưa đủ để chi trả lãi, gốc Trái phiếu, Tổ Chức Phát Hành dự kiến sẽ sử dụng nguồn vốn huy động khác, nguồn vốn tự tích lũy, lợi nhuận hoạt động kinh doanh, các nguồn thu hợp pháp khác và tiềm lực tài chính của Tổ Chức Phát Hành để thanh toán lãi, gốc Trái phiếu tại thời điểm đáo hạn hoặc mua lại trước hạn Trái phiếu.

**Nguồn trả nợ của Tổ Chức Phát Hành đối với các Trái phiếu kỳ hạn 08 năm**

Đơn vị: Tỷ VND

| Kỳ thu nợ (*) | Lãi suất đầu ra dự kiến (tối thiểu) (%/năm) (**) | Dư nợ đầu kỳ | Lãi phải thu dự kiến | Vốn gốc trả trong kỳ | Gốc + lãi phải thu dự kiến | Dư nợ cuối kỳ |
|---------------|--------------------------------------------------|--------------|----------------------|----------------------|----------------------------|---------------|
| 1             | 9,90                                             | 3.000        | 297                  | 0                    | 297                        | 3.000         |
| 2             | 9,90                                             | 3.000        | 297                  | 0                    | 297                        | 3.000         |
| 3             | 9,90                                             | 3.000        | 297                  | 0                    | 297                        | 3.000         |
| 4             | 9,90                                             | 3.000        | 297                  | 0                    | 297                        | 3.000         |
| 5             | 9,90                                             | 3.000        | 297                  | 0                    | 297                        | 3.000         |



| Kỳ thu nợ (*) | Lãi suất đầu ra dự kiến (tối thiểu) (%/năm) (**) | Dư nợ đầu kỳ | Lãi phải thu dự kiến | Vốn gốc trả trong kỳ | Gốc + lãi phải thu dự kiến | Dư nợ cuối kỳ |
|---------------|--------------------------------------------------|--------------|----------------------|----------------------|----------------------------|---------------|
| 6             | 9,90                                             | 3.000        | 297                  | 0                    | 297                        | 3.000         |
| 7             | 9,90                                             | 3.000        | 297                  | 0                    | 297                        | 3.000         |
| 8             | 9,90                                             | 3.000        | 297                  | 3.000                | 3.297                      | 0             |
| <b>Tổng</b>   |                                                  |              | <b>2.376</b>         | <b>3.000</b>         | <b>5.376</b>               |               |

Ghi chú:

(\*) Báo cáo theo kỳ tròn năm kể từ Ngày phát hành Trái phiếu

(\*\*) Lãi suất đầu ra dự kiến được xác định trên cơ sở ngành nghề cho vay, thời hạn cho vay, quy định và chính sách cho vay của LPBank trong từng thời kỳ, theo nguyên tắc: Lãi suất đầu ra dự kiến = Chi phí huy động vốn (bao gồm lãi suất phát hành Trái phiếu, chi phí khác (hành chính, nhân sự, quản lý phân bổ,...)) + Biên độ tối thiểu 1,00%/năm

Trường hợp nguồn tiền thu được từ các khoản thanh toán lãi, gốc của các khoản giải ngân/cho vay dự kiến từ nguồn vốn phát hành Trái phiếu chưa đủ để chi trả lãi, gốc Trái phiếu, Tổ Chức Phát Hành dự kiến sẽ sử dụng nguồn vốn huy động khác, nguồn vốn tự tích lũy, lợi nhuận hoạt động kinh doanh, các nguồn thu hợp pháp khác và tiềm lực tài chính của Tổ Chức Phát Hành để thanh toán lãi, gốc Trái phiếu tại thời điểm đáo hạn hoặc mua lại trước hạn Trái phiếu.

**Nguồn trả nợ của Tổ Chức Phát Hành đối với các Trái phiếu kỳ hạn 10 năm**

Đơn vị: Tỷ VND

| Kỳ thu nợ (*) | Lãi suất đầu ra dự kiến (tối thiểu) (%/năm) (**) | Dư nợ đầu kỳ | Lãi phải thu dự kiến | Vốn gốc trả trong kỳ | Gốc + lãi phải thu dự kiến | Dư nợ cuối kỳ |
|---------------|--------------------------------------------------|--------------|----------------------|----------------------|----------------------------|---------------|
| 1             | 10,00                                            | 200          | 20                   | 0                    | 20                         | 200           |
| 2             | 10,00                                            | 200          | 20                   | 0                    | 20                         | 200           |
| 3             | 10,00                                            | 200          | 20                   | 0                    | 20                         | 200           |
| 4             | 10,00                                            | 200          | 20                   | 0                    | 20                         | 200           |
| 5             | 10,00                                            | 200          | 20                   | 0                    | 20                         | 200           |
| 6             | 10,00                                            | 200          | 20                   | 0                    | 20                         | 200           |
| 7             | 10,00                                            | 200          | 20                   | 0                    | 20                         | 200           |



| Kỳ thu nợ (*) | Lãi suất đầu ra dự kiến (tối thiểu) (%/năm) (**) | Dư nợ đầu kỳ | Lãi phải thu dự kiến | Vốn gốc trả trong kỳ | Gốc + lãi phải thu dự kiến | Dư nợ cuối kỳ |
|---------------|--------------------------------------------------|--------------|----------------------|----------------------|----------------------------|---------------|
| 8             | 10,00                                            | 200          | 20                   | 0                    | 20                         | 200           |
| 9             | 10,00                                            | 200          | 20                   | 0                    | 20                         | 200           |
| 10            | 10,00                                            | 200          | 20                   | 200                  | 220                        | 0             |
| <b>Tổng</b>   |                                                  |              | <b>200</b>           | <b>200</b>           | <b>400</b>                 |               |

Ghi chú:

(\*) Báo cáo theo kỳ tròn năm kể từ Ngày phát hành Trái phiếu

(\*\*) Lãi suất đầu ra dự kiến được xác định trên cơ sở ngành nghề cho vay, thời hạn cho vay, quy định và chính sách cho vay của LPBank trong từng thời kỳ, theo nguyên tắc: Lãi suất đầu ra dự kiến = Chi phí huy động vốn (bao gồm lãi suất phát hành Trái phiếu, chi phí khác (hành chính, nhân sự, quản lý phân bổ,...)) + Biên độ tối thiểu 1,00%/năm

Trường hợp nguồn tiền thu được từ các khoản thanh toán lãi, gốc của các khoản giải ngân/cho vay dự kiến từ nguồn vốn phát hành Trái phiếu chưa đủ để chi trả lãi, gốc Trái phiếu, Tổ Chức Phát Hành dự kiến sẽ sử dụng nguồn vốn huy động khác, nguồn vốn tự tích lũy, lợi nhuận hoạt động kinh doanh, các nguồn thu hợp pháp khác và tiềm lực tài chính của Tổ Chức Phát Hành để thanh toán lãi, gốc Trái phiếu tại thời điểm đáo hạn hoặc mua lại trước hạn Trái phiếu.

## 2.2. Kế hoạch trả nợ của Tổ Chức Phát Hành

Theo kế hoạch kinh doanh của LPBank, tiền thu được từ các hoạt động kinh doanh của LPBank sau khi trừ đi các chi phí vẫn đủ để thanh toán các khoản lãi và gốc, bao gồm các khoản nợ đã phát sinh và Trái phiếu đang dự kiến chào bán. Bảng dưới đây thể hiện kế hoạch thanh toán dự kiến của Tổ Chức Phát Hành cho Trái phiếu đang dự kiến chào bán trong trường hợp không phát sinh việc mua lại Trái phiếu trước hạn, cụ thể:

### Kế hoạch trả nợ của Tổ Chức Phát Hành đối với các Trái phiếu kỳ hạn 07 năm

Đơn vị: Tỷ VND

| Kỳ thanh toán (*) | Lãi suất phát hành dự kiến (%/năm) (**) | Dư nợ đầu kỳ | Lãi phải trả dự kiến | Vốn gốc trả trong kỳ | Gốc + lãi phải trả dự kiến | Dư nợ cuối kỳ |
|-------------------|-----------------------------------------|--------------|----------------------|----------------------|----------------------------|---------------|
| 1                 | 7,175                                   | 1.800        | 129                  | 0                    | 129                        | 1.800         |
| 2                 | 7,175                                   | 1.800        | 129                  | 0                    | 129                        | 1.800         |
| 3                 | 7,175                                   | 1.800        | 129                  | 0                    | 129                        | 1.800         |
| 4                 | 7,175                                   | 1.800        | 129                  | 0                    | 129                        | 1.800         |



| Kỳ thanh toán (*) | Lãi suất phát hành dự kiến (%/năm) (**) | Dư nợ đầu kỳ | Lãi phải trả dự kiến | Vốn gốc trả trong kỳ | Gốc + lãi phải trả dự kiến | Dư nợ cuối kỳ |
|-------------------|-----------------------------------------|--------------|----------------------|----------------------|----------------------------|---------------|
| 5                 | 7,175                                   | 1.800        | 129                  | 0                    | 129                        | 1.800         |
| 6                 | 7,175                                   | 1.800        | 129                  | 0                    | 129                        | 1.800         |
| 7                 | 7,175                                   | 1.800        | 129                  | 1.800                | 1.929                      | 0             |
| <b>Tổng</b>       |                                         |              | <b>903</b>           | <b>1.800</b>         | <b>2.703</b>               |               |

Ghi chú:

(\*) Kỳ thanh toán tròn năm kể từ Ngày phát hành Trái phiếu

(\*\*) Lãi suất phát hành được giả định giữ nguyên trong suốt kỳ hạn Trái phiếu, tham chiếu lãi suất của Các Ngân Hàng Tham Chiếu, bao gồm Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam ngày 24/10/2025 + biên độ 2,5%/năm

**Kế hoạch trả nợ của Tổ Chức Phát Hành đối với các Trái phiếu kỳ hạn 08 năm**

Đơn vị: Tỷ VND

| Kỳ thanh toán (*) | Lãi suất phát hành dự kiến (%/năm) (**) | Dư nợ đầu kỳ | Lãi phải trả dự kiến | Vốn gốc trả trong kỳ | Gốc + lãi phải trả dự kiến | Dư nợ cuối kỳ |
|-------------------|-----------------------------------------|--------------|----------------------|----------------------|----------------------------|---------------|
| 1                 | 7,375                                   | 3.000        | 221                  | 0                    | 221                        | 3.000         |
| 2                 | 7,375                                   | 3.000        | 221                  | 0                    | 221                        | 3.000         |
| 3                 | 7,375                                   | 3.000        | 221                  | 0                    | 221                        | 3.000         |
| 4                 | 7,375                                   | 3.000        | 221                  | 0                    | 221                        | 3.000         |
| 5                 | 7,375                                   | 3.000        | 221                  | 0                    | 221                        | 3.000         |
| 6                 | 7,375                                   | 3.000        | 221                  | 0                    | 221                        | 3.000         |
| 7                 | 7,375                                   | 3.000        | 221                  | 0                    | 221                        | 3.000         |
| 8                 | 7,375                                   | 3.000        | 221                  | 3.000                | 3.221                      | 0             |
| <b>Tổng</b>       |                                         |              | <b>1.768</b>         | <b>3.000</b>         | <b>4.768</b>               |               |

Ghi chú:

(\*) Kỳ thanh toán tròn năm kể từ Ngày phát hành Trái phiếu



(\*\*) Lãi suất phát hành được giả định giữ nguyên trong suốt kỳ hạn Trái phiếu, tham chiếu lãi suất của Các Ngân Hàng Tham Chiếu, bao gồm Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam ngày 24/10/2025 + biên độ 2,7%/năm

**Kế hoạch trả nợ của Tổ Chức Phát Hành đối với các Trái phiếu kỳ hạn 10 năm**

Đơn vị: Tỷ VND

| Kỳ thanh toán (*) | Lãi suất phát hành dự kiến (%/năm) (**) | Dư nợ đầu kỳ | Lãi phải trả dự kiến | Vốn gốc trả trong kỳ | Gốc + lãi phải trả dự kiến | Dư nợ cuối kỳ |
|-------------------|-----------------------------------------|--------------|----------------------|----------------------|----------------------------|---------------|
| 1                 | 7,575                                   | 200          | 15                   | 0                    | 15                         | 200           |
| 2                 | 7,575                                   | 200          | 15                   | 0                    | 15                         | 200           |
| 3                 | 7,575                                   | 200          | 15                   | 0                    | 15                         | 200           |
| 4                 | 7,575                                   | 200          | 15                   | 0                    | 15                         | 200           |
| 5                 | 7,575                                   | 200          | 15                   | 0                    | 15                         | 200           |
| 6                 | 7,575                                   | 200          | 15                   | 0                    | 15                         | 200           |
| 7                 | 7,575                                   | 200          | 15                   | 0                    | 15                         | 200           |
| 8                 | 7,575                                   | 200          | 15                   | 0                    | 15                         | 200           |
| 9                 | 7,575                                   | 200          | 15                   | 0                    | 15                         | 200           |
| 10                | 7,575                                   | 200          | 15                   | 200                  | 215                        | 0             |
| <b>Tổng</b>       |                                         |              | <b>150</b>           | <b>200</b>           | <b>350</b>                 |               |

**Ghi chú:**

(\*) Kỳ thanh toán tròn năm kể từ Ngày phát hành Trái phiếu

(\*\*) Lãi suất phát hành được giả định giữ nguyên trong suốt kỳ hạn Trái phiếu, tham chiếu lãi suất của Các Ngân Hàng Tham Chiếu, bao gồm Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam ngày 24/10/2025 + biên độ 2,9%/năm



### 2.3. Tổng hợp dòng tiền trả nợ Trái phiếu của Tổ Chức Phát Hành

| Kỳ thanh toán (*) | Dư nợ đầu kỳ | Thu lãi + gốc giải ngân/cho vay từ nguồn vốn phát hành Trái phiếu trong kỳ | Phải trả lãi + gốc Trái phiếu trong kỳ | Dòng tiền ròng | Dư nợ cuối kỳ |
|-------------------|--------------|----------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------|----------------|---------------|
| 1                 | 5.000        | 492                                                                        | 365                                    | 127            | 5.000         |
| 2                 | 5.000        | 492                                                                        | 365                                    | 127            | 5.000         |
| 3                 | 5.000        | 492                                                                        | 365                                    | 127            | 5.000         |
| 4                 | 5.000        | 492                                                                        | 365                                    | 127            | 5.000         |
| 5                 | 5.000        | 492                                                                        | 365                                    | 127            | 5.000         |
| 6                 | 5.000        | 492                                                                        | 365                                    | 127            | 5.000         |
| 7                 | 5.000        | 2.292                                                                      | 2.165                                  | 127            | 3.200         |
| 8                 | 3.200        | 3.317                                                                      | 3.236                                  | 81             | 200           |
| 9                 | 200          | 20                                                                         | 15                                     | 5              | 200           |
| 10                | 200          | 220                                                                        | 215                                    | 5              | 0             |
| <b>Tổng</b>       |              | <b>8.801</b>                                                               | <b>7.821</b>                           | <b>980</b>     |               |

Ghi chú:

(\*) Kỳ thanh toán tròn năm kể từ Ngày phát hành Trái phiếu